TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2020/HNGĐ-ST
Ngày 30-7-2020
Về ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Kim Thị Hồng Nga
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Anh Đào
2. Ông Võ Văn Đầy

- Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Bô Na, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Đoàn Tố Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 224/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2020 về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Thạch Thị Thanh Ph, sinh năm 1984. Địa chỉ: ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Đề nghị xét xử vắng mặt

- *Bị đơn:* Anh Thạch Ch, sinh năm 1983. Địa chỉ: ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt không lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 18 tháng 5 năm 2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Thạch Thị Thanh Ph trình bày yêu cầu:

Về hôn nhân: Năm 2012 chị và anh Ch quen biết nhau, tìm hiểu được 01 thời gian hai người quyết định kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H. Sau khi cưới hai người sống bên nhà cha mẹ chị tại ấp L, xã H. Năm 2017 anh Ch gây tai nạn giao thông bị ở tù 02 năm đến khoảng tháng 9/2019 anh Ch ra tù về tính tình thay đổi, trở nên lầm lì, sống chung nhà cha mẹ mà không nói chuyện với ai. Khi nộp đơn ly hôn chị có điện thoại anh Ch biết qua số anh Ch sử dụng 0325 885.719, trước đó anh Ch cũng đồng ý ly hôn và kêu chị nộp đơn lên Tòa án, nhưng khi chị nộp đơn thì

anh Ch đi làm thuê tỉnh D và nói không về giải quyết, tùy chị làm gì thì làm, Tòa án giải quyết sao thì giải quyết.

Về con chung, về quyền, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Ph khai không có và không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Thạch Ch vắng mặt nên không có lời khai.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chấp hành việc có mặt theo thông báo, giấy triệu tập và đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn thì không chấp hành, vắng mặt không lý do.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy anh Ch và chị Ph tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng có hạnh phúc, nhưng tháng 9/2019 vợ chồng mâu thuẫn và từ tháng 02/2020 hai người ly thân, mỗi người không đều không tạo điều kiện hàn gắn. Từ đó nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm không còn, không thể tiếp tụng sống chung. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị Ph là có cơ sở; Con chung, tài sản chung và nợ chung đều không có. Vì vậy, đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 228, 236 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về hôn nhân, chấp nhận cho chị Thạch Thị Thanh Ph được ly hôn với anh Thạch Ch. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên đề nghị không giải quyết. Án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị đề nghị cần khắc phục: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Sự vắng mặt của chị Thạch Thị Thanh Ph là có đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Thạch Ch không có đề nghị xét xử vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng, không vì trở ngại khách quan. Thời điểm xét xử anh Thạch Ch không có mặt ở địa phương, địa phương xác nhận còn cư trú – đăng ký hộ khẩu tại ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh nên Tòa án tiến hành niêm yết theo thủ tục niêm yết công khai theo quy định Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự, căn cứ quy định Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự có cơ sở xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Ph về hôn nhân, nhận thấy hôn nhân của chị Ph với anh Ch là hợp pháp, thể hiện qua giấy chứng nhận kết hôn số: 06/2012, đăng ký ngày 16/01/2012 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Lời khai chị Ph trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa xác nhận

không còn tình cảm yêu thương anh Ch, kiên quyết yêu cầu ly hôn. Xét thấy từ tháng 02/2020 chị Ph và anh Ch không còn sống chung với nhau, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mỗi người có công việc riêng, không tạo điều kiện để hai bên hàn gắn. Do đó, có cơ sở xác định hôn nhân của hai người xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn trở về tiếp tục sống chung. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Ph ly hôn với anh Ch.

[3] Quyền, nghĩa vụ đối với con chung và quyền, nghĩa vụ đối với tài sản chung, chị Ph khai xác nhận không có, anh Ch biết chị Ph đòi ly hôn mà vắng mặt và không có văn bản phản đối. Do đó, có cơ sở xác định không có con chung, không có tài sản chung và nợ chung là có thật, Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Quan điểm phát biểu của Kiểm sát viên là có cơ sở, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nhưng nguyên đơn là dân tộc Khmer ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và có đơn yêu cầu miễn, giảm tiền tạm ứng án phí, tiền án phí theo Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí khi nộp đơn khởi kiện và được miễn nộp tiền án phí. Anh Thạch Ch không phải chịu án phí.

[7] Về quyền kháng cáo, các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị Thanh Ph.

Về hôn nhân: Cho chị Thạch Thị Thanh Ph ly hôn với anh Thạch Ch.

Về quyền, nghĩa vụ đối với con chung và về quyền, nghĩa vụ đối với tài sản chung: Không có nên không giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn cho chị Thạch Thị Thanh Ph.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niên yết.

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS ND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Kim Thị Hồng Nga